



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 25 tháng 6 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 25 tháng 6 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Văn Phở Ông Nguyễn Đức Trị Ông Phạm Văn Tân Ông Đào Ngọc Phương Bà Đoàn Thị Xuân	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Bùi Đình Thành Ông Phan Hữu Phú Bà Nguyễn Thị Phương Mai Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Trưởng ban Thành viên Thành viên (từ ngày 25/4/2015) Thành viên (đến ngày 25/4/2015)
Ban điều hành	Ông Nguyễn Đức Trị Ông Nguyễn Văn Hải Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Trần Đình Thành Ông Phạm Ngọc Trung Bà Trần Thị Hòa Châu Ông Phan Văn Phước Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/7/2015) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành (từ ngày 1/6/2015) Giám đốc điều hành (từ ngày 2/1/2016) Giám đốc điều hành (từ ngày 2/1/2016) Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 3 năm 2016, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 40 và 4(s) được phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 10 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 40 và 4(s) được phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 10 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh 40 của báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó, sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào ngày 21 tháng 3 năm 2016, Ban điều hành Tổng Công ty đã đánh giá lại và quyết định điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh về báo cáo bộ phận, như được trình bày tại Thuyết minh 40 và 4(s).

Trước đây, vào ngày 21 tháng 3 năm 2016, chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán số 15-02-473-c về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016.

Đối với báo cáo kiểm toán này, trừ các thủ tục kiểm toán đến ngày 7 tháng 10 năm 2016 để đánh giá sự phù hợp của Thuyết minh 40 và 4(s) được điều chỉnh và trình bày bổ sung, chúng tôi không thực hiện bất kỳ thủ tục kiểm toán bổ sung nào khác kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán trước đây là ngày 21 tháng 3 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-c/1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2016, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 40 và 4(s), ngày 7 tháng 10 năm 2016

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		791.216.857.651	808.683.978.745
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.085.486.764	48.335.013.594
Tiền	111		29.383.854.282	16.435.013.594
Các khoản tương đương tiền	112		3.701.632.482	31.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.374.812.500	3.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	24.374.812.500	3.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.070.069.924	299.175.577.947
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	215.878.171.381	281.801.744.090
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.966.905.140	10.494.257.970
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		522.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.795.048.130	7.551.200.039
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.092.054.727)	(925.957.457)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	254.333.305
Hàng tồn kho	140	10	436.462.209.962	419.442.014.719
Hàng tồn kho	141		437.222.709.962	420.023.314.209
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(760.500.000)	(581.299.490)
Tài sản ngắn hạn khác	150		51.224.278.501	38.431.372.485
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	6.096.528.518	3.729.395.939
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.023.270.514	34.637.172.556
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	104.479.469	64.803.990

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		578.139.113.597	475.175.541.528
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.468.000.000	1.954.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.468.000.000	1.954.000.000
Tài sản cố định	220		536.743.067.687	429.695.098.251
Tài sản cố định hữu hình	221	11	533.109.586.516	428.783.719.620
<i>Nguyên giá</i>	222		1.042.446.668.223	864.707.736.359
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(509.337.081.707)	(435.924.016.739)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.633.481.171	911.378.631
<i>Nguyên giá</i>	228		7.804.216.024	4.185.205.624
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.170.734.853)	(3.273.826.993)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.286.497.610	7.506.415.354
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	4.286.497.610	7.506.415.354
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.833.665.782	15.611.217.113
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	3.258.093.255	4.905.515.113
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	9.355.702.000	10.705.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(6.785.129.473)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	5.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		29.807.882.518	20.408.810.810
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	29.037.405.693	19.498.247.290
Lợi thế thương mại	269	15	770.476.825	910.563.520
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.369.355.971.248	1.283.859.520.273

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

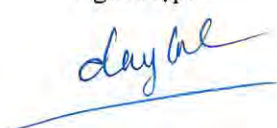
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.038.793.095.188	994.700.943.965
Nợ ngắn hạn	310		769.462.993.046	823.952.684.389
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	165.084.276.274	203.496.642.554
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.781.720.356	1.103.649.673
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	6.645.100.961	5.556.187.595
Phải trả người lao động	314		152.007.316.535	108.128.046.236
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	9.341.782.265	6.615.928.121
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	16.730.375.923	13.087.786.152
Vay ngắn hạn	320	20(a)	387.641.706.410	478.328.662.856
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	24.230.714.322	7.635.781.202
Nợ dài hạn	330		269.330.102.142	170.748.259.576
Phải trả người bán dài hạn	331	16	3.054.133.000	4.579.133.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.942.000.000	-
Vay dài hạn	338	20(b)	244.333.969.142	166.169.126.576
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		330.562.876.060	289.158.576.308
Vốn chủ sở hữu	410	22	330.562.876.060	289.158.576.308
Vốn cổ phần	411	23	157.500.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		157.500.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	62.951.415.897	53.544.527.763
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.764.097.441	58.146.592.474
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.354.204.217)	(2.814.084.149)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72.118.301.658	60.960.676.623
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.347.362.722	27.467.456.071
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.369.355.971.248	1.283.859.520.273




Ngày 21 tháng 3 năm 2016, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 40 và 4(s) được phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.005.032.261.516	2.594.988.435.023
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	3.141.755.291	69.985.487
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.001.890.506.225	2.594.918.449.536
Giá vốn hàng bán	11		2.656.956.820.050	2.336.302.159.740
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		344.933.686.175	258.616.289.796
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	21.886.653.636	7.166.219.436
Chi phí tài chính	22	29	66.013.765.043	34.242.653.876
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.136.279.449	22.489.392.342
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(1.647.421.858)	(3.860.661.972)
Chi phí bán hàng	25	30	107.898.589.839	82.536.584.432
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	114.281.016.879	79.717.590.344
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		76.979.546.192	65.425.018.608
Thu nhập khác	31	32	7.274.051.681	7.336.919.324
Chi phí khác	32		4.080.844.057	2.265.163.313
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.193.207.624	5.071.756.011
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		80.172.753.816	70.496.774.619
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	6.154.711.954	6.013.518.434
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		74.018.041.862	64.483.256.185

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển từ trang trước)	60		74.018.041.862	64.483.256.185
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		72.118.301.658	60.960.676.623
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.899.740.204	3.522.579.562
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.684	4.064

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 40 và 4(s) được phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		80.172.753.816	70.496.774.619
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		85.620.668.153	90.982.889.234
Các khoản dự phòng	03		7.130.427.253	38.353.608
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.527.789.408	1.879.814.067
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(868.193.597)	2.228.288.106
Chi phí lãi vay	06		24.136.279.449	22.489.392.342
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		204.719.724.482	188.115.511.976
Biến động các khoản phải thu	09		42.569.363.174	(124.168.662.226)
Biến động hàng tồn kho	10		(17.199.395.753)	(95.435.944.764)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		33.940.729.066	137.729.006.586
Biến động chi phí trả trước	12		(2.115.182.843)	(5.924.135.409)
			261.915.238.126	100.315.776.163
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.255.153.081)	(22.596.471.800)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.233.285.338)	(5.830.174.294)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		652.080.686	117.525.540
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.469.209.884)	(4.205.099.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		226.609.670.509	67.801.555.790

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

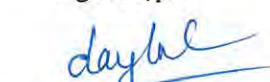
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(192.319.681.857)	(144.716.162.811)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.561.022.613	958.500.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(21.979.812.500)	(3.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		864.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.777.381.871	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.366.072.260	938.705.024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(208.731.017.613)	(146.118.957.787)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		20.925.100.208	7.881.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		2.307.210.753.833	1.903.342.638.577
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.327.917.844.048)	(1.772.710.218.346)
Tiền trả cổ tức	36		(33.391.627.383)	(31.215.321.523)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.173.617.390)	107.298.098.708
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(15.294.964.494)	28.980.696.711
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	48.335.013.594	19.317.669.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		45.437.664	36.647.161
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	33.085.486.764	48.335.013.594

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 40 và 4(s) được phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 6 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2015: 4 công ty con và 2 công ty liên kết).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con có 10.025 nhân viên (1/1/2015: 8.564 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con được trình bày trong thuyết minh 4(r) - Lãi trên cổ phiếu.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 15 năm

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ tài sản khác | 2 – 5 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 – 5 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(s) Báo cáo bộ phận (điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	77.264.882	259.222.234
Tiền gửi ngân hàng	29.306.589.400	16.175.791.360
Các khoản tương đương tiền	3.701.632.482	31.900.000.000
	33.085.486.764	48.335.013.594

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	24.374.812.500	24.374.812.500	3.300.000.000	3.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	5.000.000	-	-

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 7 đến 60 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5,2% đến 6,75% một năm (2014: 7% đến 7,5% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2015				1/1/2015					
		Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty con											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	-	-	266.790	76,88%	76,88%	-	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	54,00%	-	-	642.800	32,14%	54,00%	-	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	-	-	406.350	54,18%	54,18%	-	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	267.300	53,46%	53,46%	-	-	267.300	53,46%	53,46%	-	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	155.000	51,00%	51,00%	-	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ (*)	Đà Nẵng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	850.000	27,23%	42,50%	2.953.849.326	-	850.000	27,23%	42,50%	3.762.436.205	-
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	Quảng Nam	370.000	37,00%	37,00%	304.243.929	-	370.000	37,00%	37,00%	1.143.078.908	-
					3.258.093.255	-				4.905.515.113	-
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	-	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	Thừa Thiên Huế	160.000	8,00%	8,00%	1.600.000.000	485.129.473	160.000	16,00%	16,00%	1.600.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015		Số lượng	1/1/2015		Giá gốc VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết		% sở hữu	% quyền biểu quyết			
Công ty Cổ phần Thương mại Chơn Công ty Cổ phần Thương Mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	-	-	135.000	7,86%	6.300.000.000	1.350.000.000	-
					630.000	630.000	14,00%	6.300.000.000	6.300.000.000	-
								<u>9.355.702.000</u>	<u>10.705.702.000</u>	<u>-</u>
								<u>12.613.795.255</u>	<u>15.611.217.113</u>	<u>-</u>

(*) Ngày 27 tháng 10 năm 2015, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ra Quyết định số 803/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ trên cơ sở Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ, một chi nhánh của Tổng Công ty. Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ chính thức được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401705303 ngày 12 tháng 11 năm 2015. Công ty con này sẽ chính thức đi vào hoạt động từ năm 2016.

Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	4.905.515.113	8.766.177.085
Lỗ từ công ty liên kết	(1.647.421.858)	(3.860.661.972)
	3.258.093.255	4.905.515.113

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Motives (Far East) Limited	72.384.107.706	76.891.575.444
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	22.025.410.219	-
Destination XL Group Inc.	16.237.124.625	8.370.298.769
Aurora Investment Global Inc	15.642.169.827	40.218.806.703
Supreme International Inc.	15.570.202.788	16.225.679.168
Ashraf Sadek El Sayed El Betar	-	27.644.912.560
Các khách hàng khác	74.019.156.216	112.450.471.446
	215.878.171.381	281.801.744.090

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 139.646 triệu VND (1/1/2015: 187.154 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty liên kết		
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	87.634.800	6.897.000
• Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	309.939.190	-
Các công ty liên quan khác	507.172.655	3.067.841.337
	904.746.645	3.074.738.337

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên kết và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	2.172.172.524	1.881.786.652
Tạm ứng	1.837.552.537	1.366.516.736
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	479.963.432	444.333.305
Phải thu thuế nhập khẩu tạm nộp	1.895.221.076	-
Phải thu Ủy ban Nhân dân Huyện Thăng Bình		
tiền hỗ trợ Dự án san nền Nhà máy May Bình Phục	117.466.000	2.377.507.018
Phải thu khác	4.292.672.561	1.481.056.328
	10.795.048.130	7.551.200.039

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2015			1/1/2015				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Thanh Thu	Trên 3 năm	428.360.000	299.852.000	128.508.000	Từ 2 – 3 năm	428.360.000	299.852.000	128.508.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	464.924.753	464.924.753	-	Từ 2 – 3 năm	464.924.753	360.290.002	104.634.751
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	Trên 3 năm	96.888.118	96.888.118	-	Từ 2 – 3 năm	116.888.119	81.821.683	35.066.436
Khác	Từ 2 – 3 năm	246.982.691	230.389.856	-	Trên 3 năm	190.149.615	183.993.772	6.155.843
		<u>1.237.155.562</u>	<u>1.092.054.727</u>	<u>128.508.000</u>		<u>1.200.322.487</u>	<u>925.957.457</u>	<u>274.365.030</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>1.092.054.727</u>	<u>925.957.457</u>
--------------------------------------	----------------------	--------------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	52.349.634.767	-	63.875.076.618	-
Nguyên vật liệu	105.275.963.685	-	133.339.261.485	(347.647.900)
Công cụ và dụng cụ	324.326.918	-	363.273.332	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	170.360.446.958	-	142.195.933.374	-
Thành phẩm	82.215.888.201	(730.053.436)	68.667.106.705	(230.728.348)
Hàng hóa	2.781.824.236	(30.446.564)	1.153.807.546	(2.923.242)
Hàng gửi đi bán	23.914.625.197	-	10.428.855.149	-
	437.222.709.962	(760.500.000)	420.023.314.209	(581.299.490)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 388.000 triệu VND (1/1/2015: 351.408 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	206.376.893.697	581.098.312.250	29.201.667.899	6.465.275.712	41.565.586.801	864.707.736.359
Tăng trong năm	4.508.456.779	23.027.880.843	2.078.175.727	1.386.969.628	2.108.917.913	33.110.400.890
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	48.776.536.311	86.169.451.810	1.140.805.374	-	20.296.874.093	156.383.667.588
Thanh lý	(4.834.840.796)	(6.318.190.108)	-	(127.050.100)	(747.555.580)	(12.027.636.584)
Biến động khác	-	272.499.970	-	-	-	272.499.970
Số dư cuối năm	254.827.045.991	684.249.954.765	32.420.649.000	7.725.195.240	63.223.823.227	1.042.446.668.223
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	66.239.839.228	326.819.022.757	17.305.814.405	4.900.456.800	20.658.883.549	435.924.016.739
Khấu hao trong năm	15.007.855.421	59.859.330.609	3.265.752.923	740.585.406	5.710.149.239	84.583.673.598
Thanh lý	(4.213.936.195)	(6.205.160.610)	-	(127.050.100)	(642.628.390)	(11.188.775.295)
Phân loại lại	-	(17.789.063)	-	-	17.789.063	-
Biến động khác	-	18.166.665	-	-	-	18.166.665
Số dư cuối năm	77.033.758.454	380.473.570.358	20.571.567.328	5.513.992.106	25.744.193.461	509.337.081.707
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	140.137.054.469	254.279.289.493	11.895.853.494	1.564.818.912	20.906.703.252	428.783.719.620
Số dư cuối năm	177.793.287.537	303.776.384.407	11.849.081.672	2.211.203.134	37.479.629.766	533.109.586.516

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 163.351 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 157.920 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 513.401 triệu VND (1/1/2015: 400.786 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a)) và dài hạn (Thuyết minh 20(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.185.205.624
Tăng trong năm	3.619.010.400
	7.804.216.024
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.273.826.993
Khấu hao trong năm	896.907.860
	4.170.734.853
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	911.378.631
Số dư cuối năm	3.633.481.171
	3.633.481.171

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.987 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 1.814 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	7.506.415.354	14.629.194.742
Tăng trong năm	162.954.857.983	113.632.621.737
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(156.383.667.588)	(119.596.876.357)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(91.587.273)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.791.108.139)	(1.051.937.495)
Xóa sổ	-	(15.000.000)
	4.286.497.610	7.506.415.354
Số dư cuối năm	4.286.497.610	7.506.415.354

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Mở rộng nhà máy May Hòa Thọ 1	610.861.637	44.649.457
Mở rộng nhà máy May Đông Hà	2.248.630.984	149.716.773
Nhà vòm phân xưởng sợi 1	-	2.138.233.091
Khác	1.427.004.989	5.173.816.033
	4.286.497.610	7.506.415.354

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trả trước phí bảo hiểm	406.080.228	258.700.904
Công cụ và dụng cụ	3.191.214.863	2.398.475.631
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	580.017.951	393.484.477
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.919.215.476	678.734.927
	6.096.528.518	3.729.395.939

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	14.626.948.129	702.694.029	4.168.605.132	19.498.247.290
Tăng trong năm	12.214.061.498	-	1.641.048.507	13.855.110.005
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.709.643.260	-	1.081.464.879	9.791.108.139
Thanh lý	(18.724.998)	-	-	(18.724.998)
Phân bổ trong năm	(11.941.215.748)	(539.067.775)	(1.608.051.220)	(14.088.334.743)
Số dư cuối năm	23.590.712.141	163.626.254	5.283.067.298	29.037.405.693

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.400.866.953
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	490.303.433
Phân bổ trong năm	140.086.695
Số dư cuối năm	630.390.128
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	910.563.520
Số dư cuối năm	770.476.825

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Hultafors Group AB	24.036.163.668	24.036.163.668	9.813.428.167	9.813.428.167
Motives (Far East) Limited	9.574.682.825	9.574.682.825	26.933.597.935	26.933.597.935
Kufner Hongkong Ltd.	9.542.122.310	9.542.122.310	8.847.937.637	8.847.937.637
Cargill Cotton Ltd.	6.473.251.964	6.473.251.964	16.120.683.014	16.120.683.014
Ban Quản lý Cơ sở Hạ tầng Tỉnh Quảng Trị	4.579.133.000	4.579.133.000	6.104.133.000	6.104.133.000
Indorama Polyester Industries Pcl.	-	-	15.859.207.584	15.859.207.584
Các nhà cung cấp khác	113.933.055.507	113.933.055.507	124.396.788.217	124.396.788.217
	168.138.409.274	168.138.409.274	208.075.775.554	208.075.775.554

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	165.084.276.274	165.084.276.274	203.496.642.554	203.496.642.554
Dài hạn	3.054.133.000	3.054.133.000	4.579.133.000	4.579.133.000
	168.138.409.274	168.138.409.274	208.075.775.554	208.075.775.554

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	-	-	1.104.019.297	1.104.019.297
<i>Các bên liên quan khác</i>				
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	474.198.932	474.198.932	215.783.326	215.783.326
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ Phần	1.376.675.309	1.376.675.309	4.573.535.775	4.573.535.775
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	648.420.366	648.420.366	2.470.685.085	2.470.685.085
Công ty TNHH Coast Phong Phú	890.407.442	890.407.442	1.792.215.323	1.792.215.323
	3.389.702.049	3.389.702.049	10.156.238.806	10.156.238.806

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ, công ty liên kết, và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.609.885	-	9.609.885
Thuế thu nhập cá nhân	33.167.153	79.097.705	(33.167.153)	79.097.705
Các loại thuế khác	31.636.837	5.564.195	(21.429.153)	15.771.879
	64.803.990	94.271.785	(54.596.306)	104.479.469

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.791.513.176	92.786.460.696	(90.585.591.409)	4.992.382.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.721.681.997	6.154.711.954	(7.223.675.453)	1.652.718.498
Thuế thu nhập cá nhân	13.991.058	1.233.143.197	(1.247.134.255)	-
Các loại thuế khác	29.001.364	11.982.097.657	(12.011.099.021)	-
	5.556.187.595	112.156.413.504	(111.067.500.138)	6.645.100.961

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí hoạt động	8.270.151.703	5.802.541.088
Chi phí lãi vay	497.224.326	616.097.958
Các khoản trích trước khác	574.406.236	197.289.075
	9.341.782.265	6.615.928.121

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Kinh phí công đoàn	6.484.611.320	5.638.712.706
Bảo hiểm xã hội	269.699.220	1.151.215.871
Bảo hiểm y tế	86.371.855	283.824.443
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.613.000	-
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	4.672.021.554	-
Cổ tức phải trả	354.075.697	618.923.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.821.983.277	5.395.110.052
	16.730.375.923	13.087.786.152

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Biến động trong năm			Số có khả năng trả nợ VND
		1/1/2015	Tăng VND	Giảm VND	
	Vay ngắn hạn	Giá trị ghi sổ VND			Số có khả năng trả nợ VND
	Vay dài hạn đến hạn trả	425.558.276.900	2.184.542.580.126	(2.286.317.162.900)	323.783.694.126
		52.770.385.956	52.824.657.565	(41.737.031.237)	63.858.012.284
		478.328.662.856	2.237.367.237.691	(2.328.054.194.137)	387.641.706.410

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	1,3% - 1,45%	68.973.312.499	114.566.066.151
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	USD	1,3% - 1,45%	64.757.770.302	94.748.488.430
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	USD	1,3% - 1,55%	47.299.070.820	74.028.853.760
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	USD	1,3%	36.988.157.420	7.896.882.939
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ - Hà Nội (i)	VND	6,0%	36.317.988.504	-
Ngân hàng Indovina (i)	USD	1,35%	19.732.663.024	22.642.685.571
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	1,3% - 1,4%	16.679.548.566	11.796.186.091
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (i)	USD	1,35% - 1,4%	11.382.179.448	15.952.814.055
Ngân hàng HSBC (i)	USD	1,3% - 1,55%	9.527.919.809	22.698.393.653
Ngân hàng ANZ (i)	USD	1,5%	5.531.334.757	17.822.856.945
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	4,5%	3.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	VND	4%	2.993.748.977	-
Vay từ ban liên lạc lưu trí (ii)	VND	10%	100.000.000	132.171.000
Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	USD	1,8% - 1,95%	-	42.834.926.305
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quảng Nam (i)	VND	7,00%	-	437.952.000
			323.783.694.126	425.558.276.900

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 0), hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	308.191.981.426	218.939.512.532
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(63.858.012.284)	(52.770.385.956)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	244.333.969.142	166.169.126.576

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	4,5%	2023	72.088.692.522	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	8,4%	2019	47.607.635.988	47.607.635.988
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	4,5%	2021	44.675.540.010	48.393.758.568
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quảng Nam	VND	8% - 9,5%	2021	25.192.897.946	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	6,0%	2018	23.057.712.546	34.049.396.187
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	4,0%	2020	19.783.990.413	-
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	5,5%	2018	15.306.828.577	22.568.863.161
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	5,5%	2020	13.436.827.701	16.481.960.397
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	5,0%	2021	6.742.413.378	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kuraray Trading Co., Ltd.	USD	3,0%	2017	6.310.920.000	8.972.460.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	6,0%	2019	5.146.340.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	6,0%	2018	5.136.547.944	7.623.301.098
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	9,2%	2019	5.026.160.000	6.959.360.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	VND	7,1%	2020	3.800.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	4,0%	2020	3.748.843.126	-
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	4,0%	2018	1.691.795.371	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quảng Nam	VND	10,5% - 10,7%	2018	1.483.287.800	9.900.239.780
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	5,2%	2016	1.409.975.829	3.842.294.918
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quảng Nam	VND	9,5%	2018	1.336.205.098	1.878.205.098
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	10,6%	2016	1.299.990.000	4.549.995.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	VND	8,26%	2020	1.170.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	VND	8,5%	2021	887.140.000	1.013.875.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	10,5%	2019	539.825.000	-
Ngân hàng ANZ – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	5,2%	2016	484.791.351	2.182.619.684
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	VND	8,26%	2018	416.500.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	5,0%	2017	288.846.751	589.673.703
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	5,5%	2016	122.274.075	463.577.100
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	VND	0%	2015	-	1.158.386.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	5,8%	2015	-	703.910.850
				308.191.981.426	218.939.512.532

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	7.635.781.202	3.346.342.084
Trích lập trong năm	20.412.062.318	8.377.013.397
Tặng khác	652.080.686	117.525.540
Sử dụng trong năm	(4.469.209.884)	(4.205.099.819)
Số dư cuối năm	24.230.714.322	7.635.781.202

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	150.000.000.000	33.456.594.220	10.104.631.290	45.204.925.742	18.239.426.871	257.005.578.123
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	7.881.000.000	7.881.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	60.960.676.623	3.522.579.562	64.483.256.185
Phân bổ vào các quỹ	-	7.508.539.889	2.474.762.364	(9.983.302.253)	-	-
Có tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(30.000.000.000)	(1.834.244.603)	(31.834.244.603)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.035.707.638)	(341.305.759)	(8.377.013.397)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	150.000.000.000	40.965.134.109	12.579.393.654	58.146.592.474	27.467.456.071	289.158.576.308
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - đã phân loại lại	150.000.000.000	53.544.527.763	-	58.146.592.474	27.467.456.071	289.158.576.308
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - đã báo cáo trước đây Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 3)	150.000.000.000	40.965.134.109	12.579.393.654	58.146.592.474	27.467.456.071	289.158.576.308
Phát hành cổ phiếu	7.500.000.000	-	-	-	13.425.100.208	20.925.100.208
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	72.118.301.658	1.899.740.204	74.018.041.862
Phân bổ vào các quỹ	-	9.406.888.134	-	(9.406.888.134)	-	-
Có tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(30.000.000.000)	(3.126.780.000)	(33.126.780.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.093.908.557)	(318.153.761)	(20.412.062.318)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	157.500.000.000	62.951.415.897	-	70.764.097.441	39.347.362.722	330.562.876.060

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	750.000	7.500.000.000	-	-
Số dư cuối năm	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 30.000 triệu VND cho năm 2014 (tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) (2014: 30.000 triệu VND cho năm 2013 tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận gia công

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Vật tư hàng hóa nhận gia công	45.335.207.630	80.423.759.927

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	414.336	9.303.116.128	282.815	6.041.772.504
EUR	1.781	43.562.201	338	8.751.961
		<u>9.346.678.329</u>		<u>6.050.524.465</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	83.405.408.000	201.000.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015	2014
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.005.032.261.516	2.594.988.435.023
<hr/>		
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	(10.282.950)
▪ Giảm giá hàng bán	-	(59.702.537)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.141.755.291)	-
	(3.141.755.291)	(69.985.487)
<hr/>		
Doanh thu thuần	3.001.890.506.225	2.594.918.449.536
<hr/>		

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.340.072.260	257.705.024
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	427.381.871	-
Cổ tức được chia	26.000.000	681.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.043.947.905	6.169.958.956
Doanh thu hoạt động tài chính khác	49.251.600	57.555.456
<hr/>		
	21.886.653.636	7.166.219.436
<hr/>		

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	24.136.279.449	22.489.392.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.564.566.713	9.873.393.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.527.789.408	1.879.814.067
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	6.785.129.473	-
Chi phí tài chính khác	-	54.055
	66.013.765.043	34.242.653.876

30. Chi phí bán hàng

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.623.359.010	4.406.905.652
Chi phí vật liệu, bao bì	6.279.725.015	2.929.243.186
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.451.175.465	2.856.598.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.770.861	805.151.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.542.277.926	65.688.377.266
Chi phí khác	8.826.281.562	5.850.308.175
	107.898.589.839	82.536.584.432

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	64.983.287.984	43.240.940.887
Chi phí vật liệu quản lý	18.654.969	167.709.622
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.602.582.852	2.283.250.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.975.365.232	3.953.566.284
Thuế, phí và lệ phí	3.334.321.780	2.914.992.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.228.565.155	8.871.259.356
Chi phí khác	23.138.238.907	18.285.870.882
	114.281.016.879	79.717.590.344

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	722.161.324	708.668.842
Xóa nợ phải trả	4.952.111.038	4.266.606.499
Các khoản khác	1.599.779.319	2.361.643.983
	<hr/>	<hr/>
	7.274.051.681	7.336.919.324
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.504.139.991.627	1.402.430.654.469
Chi phí nhân viên	733.492.138.586	565.208.173.696
Chi phí khấu hao	85.620.668.153	90.982.889.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	580.184.144.256	435.426.402.023
	<hr/>	<hr/>

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.943.955.071	6.013.518.434
Dự phòng thiếu trong những năm trước	210.756.883	-
	<hr/>	<hr/>
	6.154.711.954	6.013.518.434
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	80.172.753.816	70.496.774.619
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	8.017.275.382	7.049.677.462
Ưu đãi thuế	(3.602.812.509)	(2.956.203.509)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	396.100.565	591.802.543
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	915.291.789	955.487.390
Chi phí không được khấu trừ thuế	204.842.660	342.060.072
Thu nhập không bị tính thuế	(2.600.000)	(68.100.000)
Giảm thuế	(322.872.000)	(380.662.586)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	338.729.184	479.457.062
Dự phòng thiếu trong những năm trước	210.756.883	-
	6.154.711.954	6.013.518.434

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% cho năm 2015 (2014: 22%) và 20% từ năm 2016.

(ii) Đối với các công ty con

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% cho năm 2015 (2014: 22%) và 20% từ năm 2016 trở đi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	72.118.301.658	60.960.676.623
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	72.118.301.658	60.960.676.623

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2015. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	15.000.000	15.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (*)	396.575	-
	15.396.575	15.000.000

(*) Trong năm 2015, Tổng Công ty đã phát hành thêm 750.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với giá bằng mệnh giá là 10.000VND/cổ phiếu. Việc phát hành cổ phiếu bằng mệnh giá, thay vì theo giá thị trường, dẫn đến sự thay đổi nguồn vốn có yếu tố thưởng. Theo đó, Tổng Công ty sẽ phải điều chỉnh số lượng cổ phiếu đang lưu hành để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2014 và 2015 Tuy nhiên, do không có thông tin về giá thị trường của cổ phiếu của Tổng Công ty, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu cho mục đích tính lãi trên cổ phiếu chưa được điều chỉnh do ảnh hưởng của việc phát hành này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	21.484.964.000	21.484.964.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.569.394.471	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.019.534.493	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	37.268.322.827	24.116.718.688
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức		
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.139.652.934	1.006.653.907
Các công ty liên quan khác		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và dịch vụ	621.508.713	3.009.359.373
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.947.872.807	4.110.449.797
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	966.199.296
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.472.085.108	3.123.800.484
Công ty TNHH Coast Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.807.835.906	15.410.011.604
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	11.306.208.292
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	1.836.567.545
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.676.800.390	6.257.921.055
Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	3.318.107.500
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	313.536.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	9.835.554.839	7.022.201.650

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Mua tài sản chưa thanh toán	7.364.587.416	-

38. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc năm

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, ngày 23 tháng 2 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã quyết định thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền với tỷ lệ tạm ứng là 3.000 VND trên một cổ phiếu. Việc tạm ứng cổ tức dự kiến sẽ được thực hiện bắt đầu từ sau ngày 16 tháng 5 năm 2016.

39. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Đồng thời, một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015	1/1/2015
	(đã phân loại lại)	(theo báo cáo
	VND	trước đây)
		VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.300.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	3.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	7.551.200.039	7.930.779.575
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.810.850.041
Tài sản thiếu chờ xử lý	254.333.305	-
Phải thu về cho vay dài hạn	1.954.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	203.496.642.554	201.971.642.554
Phải trả ngắn hạn khác	13.087.786.152	13.069.882.424
Vay ngắn hạn	478.328.662.856	479.853.662.856
Phải trả người bán dài hạn	4.579.133.000	-
Nợ dài hạn khác	-	4.579.133.000
Quỹ đầu tư phát triển	53.544.527.763	40.965.134.109
Quỹ dự phòng tài chính	-	12.579.393.654

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014	2014
	(đã phân loại lại)	(theo báo cáo
	VND	trước đây)
		VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.594.988.435.023	2.593.477.506.972
Thu nhập khác	7.336.919.324	9.097.678.533
Chi phí khác	2.265.163.313	2.514.994.471

40. Báo cáo bộ phận (điều chỉnh lại)

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào ngày 21 tháng 3 năm 2016, Ban điều hành Tổng Công ty đã đánh giá lại và quyết định điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh về báo cáo bộ phận như sau:

Như được trình bày trước đây

Tóm tắt chính sách kế toán chủ yếu - Báo cáo bộ phận (Thuyết minh 4(s) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016)

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

Điều chỉnh lại

Tóm tắt chính sách kế toán chủ yếu - Báo cáo bộ phận (Thuyết minh 4(s) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 này)

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý (trình bày bổ sung)

Tổng Công ty và các công ty con có bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Việt Nam
- Vương quốc Anh
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Các vùng khác

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Việt Nam		Vương quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000
Tổng doanh thu của bộ phận	885.427.198	710.534.259	490.429.952	302.223.581	319.368.128	353.280.820	307.747.284	347.406.245	279.744.765	196.397.807	216.880.262	249.835.644	505.434.672	435.310.079	3.005.032.261	2.594.988.435
Kết quả kinh doanh của bộ phận	38.368.087	31.408.987	90.663.587	52.369.307	88.848.413	64.345.376	24.272.023	32.236.567	28.827.114	19.107.261	34.325.383	27.735.647	39.629.079	31.413.145	344.933.686	258.616.290
Thu nhập không phân bổ															21.886.654	7.166.219
Chi phí không phân bổ															289.840.794	200.357.491
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh															76.979.546	65.425.018
Thu nhập khác															7.274.052	7.336.919
Chi phí khác															4.080.844	2.265.163
Thu nhập nghiệp vụ khác															6.154.712	6.013.518
Lợi nhuận thuần sau thuế															74.018.042	64.483.256

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Việt Nam		Vương quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Tài sản của bộ phận Giá trị còn lại tài sản không phân bổ	74.700.790	98.784.148	43.011.822	44.815.689	21.749.750	17.119.437	15.642.170	40.521.203	11.515.142	9.879.556	23.691.003	38.451.241	25.567.495	32.230.490	215.878.172	281.801.744
Tổng tài sản															1.153.477.799	1.002.057.776
Nợ phải trả của bộ phận	22.121.319	51.000	145.488	-	3.375.633	1.056.130	7.797	7.797	-	-	4.081.281	-	-	8.723	29.725.721	1.103.650
Các khoản nợ không phân bổ															1.009.069.374	993.597.294
Tổng nợ phải trả															1.038.793.095	994.700.944
Chi tiêu vốn	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014
Khấu hao tài sản cố định	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
hữu hình															192.319.682	144.716.163
Khấu hao tài sản cố định vô hình															84.583.674	90.133.804
															896.908	708.938

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 40 và 4(s) được phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 10 năm 2016

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

